

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP TN
TỈNH TN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2022/DS-ST
Ngày: 30-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng
góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP TN, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Trọng Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát;

2. Bà Bùi Phước Hòa.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Ninh - Thư ký Toà án nhân dân tp TN, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN, tỉnh TN tham gia phiên toà:
Bà Trần Thị Tâm Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tp TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố NT1, phường NS, tp TN, tỉnh TN.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Số nhà 274 đường BL, khu phố NT, phường NS, tp TN, tỉnh TN.

Bà K có mặt; bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 7 năm 2022, lời khai bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị K trình bày:

Bà Huỳnh Thị K có tham gia hụi của bà Nguyễn Thị H làm chủ thảo. Sau khi bà Nguyễn Thị H bị kết án 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án số: 22/2022/HSST ngày 08-4-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh TN và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số: 433/2022/HSPT-QĐ ngày 24-6-2022

của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bản án hình sự buộc bà H có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà K số tiền chiếm đoạt 345.020.000 đồng. Bà K khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả tiền hui 207.082.000 đồng và bà K không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11-8-2022, bị đơn bà H trình bày:

Bà H thừa nhận bà K có tham gia nhiều loại hui của bà H làm chủ thảo. Bà H thừa nhận bà K có mua hui của bà H. Bà K khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền 207.082.000 đồng bà H không đồng ý vì đã đăng cho bà K số tiền trên 200.000.000 đồng tại nhà bà H. Bà H không lập giấy tờ cho bà K ký nhận. Bà H chỉ đồng ý trả cho bà K số tiền 88.800.000 đồng.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của chính phủ về hui, họ, biêu, phường; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà K về việc yêu cầu bà H trả số tiền 19.200.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện số tiền 175.150.000 đồng đồng. Ghi nhận bà K không yêu cầu tính lãi; giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền hui 207.082.000 đồng nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hui được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn có địa chỉ: Số nhà 274 đường BL, khu phố NT, phường NS, tp TN, tỉnh TN nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tp TN, tỉnh TN.

[3] Xét nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền hui còn nợ 207.082.000 đồng, thấy rằng:

Tại bản tự khai; biên bản lấy lời khai ngày 20-8-2022 và tại phiên tòa bà K trình bày. Bà K cung cấp sổ hui (bút lục số 17 và số 101) bà K có ghi thêm

nội dung như sau “... nợ thím 7 là 175.150.000 đồng, hốt hụi chưa mãn 2-12-2018 là 18.500.000 đồng”. Như vậy, chứng cứ bà K đưa ra yêu cầu bà H trả số tiền 175.150.000 đồng là không có căn cứ do chứng cứ bị sửa, thêm chữ, thêm số liệu vào chứng cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu về số tiền 175.150.000 đồng.

[4] Biên bản lấy lời khai ngày 11-8-2022 bà H xác định chữ viết trong sổ hụi là chữ viết của bà H, còn phần nào không phải chữ của bà H thì bà ghi và ký tên. Bà H thừa nhận bà K có mua hụi nhưng bà H đã đăng hụi cho bà K trên 200 triệu đồng để bà K trả ngân hàng vào khoảng tháng 02-2020 AL nhưng bà H không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh đã đăng số tiền mua hụi cho bà K, nên lời trình bày của bà H không có cơ sở xem xét. Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà K khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền mua hụi 288.152.000 đồng, nhưng tại phiên toà bà K trình bày do cộng nhầm về số liệu, nay bà chỉ yêu cầu trả số tiền 275.420.000 đồng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Bà Huỳnh Thị K cung cấp cho Toà án là 01 quyển có bìa xanh giấy láng có ghi dòng chữ: “ Sổ Hụi thím 7 Văn”. Quá trình giải quyết vụ án bà H thừa nhận bà K có tham gia chơi hụi và bà có nhận tiền hụi, bà H đồng ý trả cho bà K số tiền hụi 88.800.000 đồng, nên có cơ sở xác định bà K có tham gia chơi hụi của bà H. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà K.

Tổng 02 phần tiền được chấp nhận là 275.420.000 đồng + 88.800.000 đồng = 364.220.000 đồng.

[6] Cách tính hụi như sau: 364.220.000 đồng – 345.020.00 đồng (bản án hình sự sơ thẩm tuyên buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà Huỳnh Thị K số tiền chiếm đoạt) = 19.200.000 đồng.

Bà Huỳnh Thị K khởi kiện số tiền 207.082.000 đồng – 12.732.000 đồng (số tiền do bà K cộng nhầm trong đơn kiện) = 194.350.000 đồng nhưng được Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền 19.200.000 đồng, vì vậy bà K phải chịu án phí của số tiền không được chấp nhận 175.150.000 đồng.

Từ các nhận định, phân tích trên Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị K yêu cầu bà H thanh toán (trả) số tiền nợ hụi 19.200.000 đồng. Ghi nhận bà Huỳnh Thị K không yêu cầu tính lãi.

[7] Từ phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN, tỉnh TN buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán (trả) cho bà Huỳnh Thị K số tiền 19.200.000 đồng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bà Huỳnh Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 8.757.500 đồng; bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 960.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 7 Điều 4; điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị K đối với bà Nguyễn Thị H về “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà Huỳnh Thị K số tiền nợ hội là 19.200.000 (Mười chín triệu hai trăm nghìn) đồng. Ghi nhận bà Huỳnh Thị K không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị K với số tiền hội 175.150.000 (Một trăm bảy mươi lăm triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Bà Huỳnh Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 8.757.500 (Tám triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm) đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà Huỳnh Thị K đã nộp 5.177.000 (Năm triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai số 0001259 ngày 05-8-2022 của Chi cục thi hành án dân sự tp TN, tỉnh TN. Bà Huỳnh Thị K còn phải nộp 3.580.500 (Ba triệu năm trăm tám mươi nghìn năm trăm) đồng.

3.2. Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 960.000 (Chín trăm sáu mươi nghìn) đồng.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND. TPTN;
- Chi Cục THADS. TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

(đã ký)

Trần Trọng Nghĩa